

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

Số: 37/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

N, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2022/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đình H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị Diễm H1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình H và chị Lê Thị Diễm H1.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình H và chị Lê Thị Diễm H1.

2.2. Về con: Anh Lê Đình H và chị Lê Thị Diễm H1 có 02 con chung là Lê Đình H2, sinh ngày 14/02/2014 và Lê Đình N1, sinh ngày 06/9/2016. Anh Lê Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 2 con; chị Lê Thị Diễm H2 không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Lê Thị Diễm H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Đình H và chị Lê Thị Diễm H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Lê Đình H phải chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006811 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho Anh Lê Đình H 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND thị trấn Phước Long, h. Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án. (22)

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình